

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT LUXEST
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT LUXEST

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUXEST ARCHITECTURE AND INTERIOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LUXEST ARCHITECTURE AND INTERIOR CONSTRUCTION.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110161955

3. Ngày thành lập: 26/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 101 Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981010963

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thanh máy, cửa cuốn	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ đấu giá	4610
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng)	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không bao gồm tổ chức hợp báo)	8230

14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299
15.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. (Điểm a, b, c, d, e, g, h khoản 1 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021)	7110
17.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
19.	Bán buôn tổng hợp Trừ các loại Nhà Nước cấm	4690
20.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
21.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
22.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
23.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
24.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo đúng qui định của pháp luật và trong ngành nghề này không bao gồm: hóa chất nhà nước cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh) (theo điều 8 Nghị định 108/2008/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Hóa chất)	2011(Chính)
25.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
26.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
27.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
28.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
29.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
30.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
31.	Đúc sắt, thép	2431
32.	Đúc kim loại màu	2432

33.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
34.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
35.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
36.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
37.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
38.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
39.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
40.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ: Hoạt động đấu giá	4791
41.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
42.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
43.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
44.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020)	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020)	4933
48.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
49.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
51.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
52.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Điều 8 Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh trật tự đối với một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện)	5510
53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
54.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

55.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
56.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
57.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
58.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
59.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
60.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
61.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
62.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
63.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
64.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
65.	Xây dựng nhà để ở	4101
66.	Xây dựng nhà không để ở	4102
67.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Xây dựng công trình điện	4221
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
74.	Phá dỡ (không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
75.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
76.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
77.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
78.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
79.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
80.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
81.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 8.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 880.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN HẢI SƠN	Phòng 404 Nhà A3 Tập thể 128C Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.400	44.000.000	0,500	0010860039 16	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	4.400	44.000.000	0,500		
2	NGUYỄN SỸ THUẬN	Thôn Minh Kha, Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.400	44.000.000	0,500	0010870224 17	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	4.400	44.000.000	0,500		

3	NGUYỄN BÁ DƯƠNG	Thôn Giữa, Xã An Bình, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	871.200	8.712.000.000	99,000	027093011388
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	871.200	8.712.000.000	99,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN BÁ DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/09/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027093011388

Ngày cấp: 19/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Giữa, Xã An Bình, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Giữa, Xã An Bình, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội